TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 359/2019/QĐST-DS	*Quận 10, ngày 12 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v YÊU CẦU TUYÊN BỐ MỘT NGƯỜI LÀ ĐÃ CHẾT
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Nhất Dũng

***Thư ký phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M tham gia phiên họp: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 143/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu tuyên bố một người là đã chết, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 21/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà D, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Khu A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông T, sinh năm: 1976 – Theo văn bản ủy quyền số 001254 ngày 22/3/2019.

Địa chỉ: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 05 tháng 4 năm 2019 của bà D cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Trước đây ông Đ, sinh năm 1942 chung sống có đăng ký kết hôn với bà S, sinh năm 1945 (Theo trích lục chứng thư hôn thú do xã Tân Sơn Hòa, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định chứng nhận ngày 20/11/1964), ông Đ và bà S có một con chung tên H, sinh năm 1967. Bà S chết năm 1994 (Theo giấy chứng tử số 39/94 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 19/7/1994), sau đó ông Đ chung sống có đăng ký kết hôn với bà D vào năm 2006 tại Uỷ ban nhân dân Phường 6, quận Tân Bình, hai người chưa có con chung. Năm 2017 ông Đ chết (Theo trích lục khai tử số 95/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân Phường 6, quận Tân Bình chứng nhận ngày 27/02/2019).

Năm 1986, ông H bỏ nhà đi, từ đó không còn bất kỳ liên lạc gì với gia đình. Gia đình đã đi tìm kiếm nhiều nơi, kể cả trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có tin tức gì xác thực ông H là còn sống. Khi ông H bỏ đi, ông H còn độc thân, chưa có vợ, con.

Nay để thuận tiện trong việc làm hồ sơ thừa kế, bà D yêu cầu Tòa án tuyên bố ông H, sinh năm 1967 là đã chết.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Tòa án, đương sự và đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà D, tuyên bố ông H, sinh năm 1967 là đã chết, thời điểm xác định ông H là đã chết là ngày 02/01/1992.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận M nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà D là việc tuyên bố một người là đã chết, người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết có địa chỉ cư trú cuối cùng tại Quận M nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đ và bà S có một con chung tên H. Năm 1994 bà S chết, ông Đ chung sống có đăng ký kết hôn với bà D, chưa có con chung. Năm 2017 ông Đ chết nên bà D là người có quyền làm đơn yêu cầu tuyên bố ông H là đã chết là phù hợp quy định tại Điều 391 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ lời trình bày của đương sự và xác nhận của Công an Phường 15, Quận M thì Ông H, sinh năm 1967 có hộ khẩu thường trú tại số 297/6 đường D, Phường E, Quận M nay là số 297/6 đường D, Phường E, Quận M; từ năm 1986 đến nay ông H không còn có mặt tại địa phương. Gia đình đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì về ông H còn sống hay chết. Như vậy, ông H biệt tích 05 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống, đây là trường hợp được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 của Bộ luật dân sự *"Biệt tích 05 năm liền trở lên mà không có tin tức xác thực là còn sống"*. Việc bà D yêu cầu tuyên bố ông H là đã chết là phù hợp với điểm d khoản 1 Điều 71 của Bộ luật Dân sự nên Tòa án chấp nhận.

Do không xác định được ngày, tháng biết được tin tức cuối cùng, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự thì ngày biết được tin tức cuối

cùng về ông H là ngày đầu tiên của năm tiếp theo là ngày 01/01/1987. Như vậy, ngày chết của ông H được xác định là ngày 02 tháng 01 năm 1992.

[3] Về lệ phí sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà D phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39; Điều 370; Điều 371; Điều 372 và Điều 393 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 72 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà D

Tuyên bố: Ông H; sinh năm: 1967; nơi cư trú cuối cùng: số 297/6 đường D, Phường E, Quận M nay là số 101/22 đường D, Phường E, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết.

Ngày chết của ông H là ngày 02 tháng 01 năm 1992.

Khi Quyết định có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình, các quan hệ về nhân thân khác và quan hệ tài sản của người bị tuyên bố là đã chết được giải quyết như đối với người đã chết. Tài sản của người bị tuyên bố là đã chết được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà D chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0017191 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; bà D đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà D có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ quyết định; Viện kiểm sát nhân dân Quận M có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Nhất Dũng